TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99**/2019/HS-ST
Ngày: 30/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phi Hùng**

Ông **Đặng Công Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kiều Trang**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Hải Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Thanh H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1988 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Khu chung cư A, phường Đ, quận S, Tp. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Đ và bà Phan Thị S; Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Nguyễn Thị Thúy V (đã ly hôn) và hai con (con lớn sinh năm 2008 và con nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt ngày 03/8/2019. Có mặt.

**** Người bào chữa:*** Ông Võ Văn Thiết - Luật sư Văn phòng luật sư Thiết và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**** Bị hại:***

- Bà **Phan Thị S**, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Phòng 102, nhà B, chung cư Q, tổ 95, phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

- Bà **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm: 1990 và ông **Trần Thanh H1**, sinh năm: 1986; Cùng trú tại: Phòng 102 Chung cư Q, tổ 95, phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Cháu **Trần Thanh Y**, sinh ngày: 07/3/2008; Nơi cư trú: Phòng 207 Chung cư C, tổ 42, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Đại diện hợp pháp của cháu Trần Thanh Y: Bà **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm: 1990; Trú tại: Phòng 207 Chung cư C, tổ 42, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (mẹ ruột cháu Y). Có mặt.

- Ông **Trần Văn D**, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Đường H, tổ 71, phường B, quận S, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm: 1972; Nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã U, huyện O, tỉnh Quảng Nam; Tạm trú: Số 51 đường L, phường B, quận S, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21 tháng 03 năm 2019, Trần Thanh H được mẹ ruột là bà Phan Thị S (sinh năm 1966, trú phòng 102, nhà B, chung cư Q, quận S, Tp Đà Nẵng) nhờ đến trông coi nhà để vợ chồng bà S đi công việc. Trong lúc ở nhà, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của mẹ mình nên đã lục tìm tài sản. Khi vào phòng ngủ của bà S, H phát hiện trong thùng áo quần có 01 túi nilon màu đen, bên trong có nhiều cuộn tiền, H lấy 01 cuộn tiền 20.000.000 đồng cất vào ví của mình. Số tiền này H đã tiêu xài hết.

Sau đó, từ ngày 29.3.2019 đến ngày 08.6.2019, H nhiều lần đến nhà bà S lén lút vào phòng ngủ nơi bà S để lấy trộm tiền. Cụ thể:

- Ngày 29.3.2019, H lấy trộm số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 05.4.2019, lấy trộm 20.000.000 đồng.
- Ngày 12.4.2019, lấy trộm 20.000.000 đồng.
- Ngày 19.4.2019, lấy trộm 20.000.000 đồng.
- Ngày 26.4.2019, lấy trộm 20.000.000 đồng.
- Ngày 03.5.2019, lấy trộm 20.000.000 đồng.
- Ngày 10.5.2019, lấy trộm 30.000.000 đồng.
- Ngày 17.5.2019, lấy trộm 30.000.000 đồng.
- Ngày 24.5.2019, lấy trộm 30.000.000 đồng.
- Ngày 31.5.2019, lấy trộm 30.000.000 đồng.

Đến ngày 08.6.2019, Trần Thanh H sợ bị bà S phát hiện việc trộm tiền của mình nên đã nói con gái là Trần Thanh Y, sinh ngày 07.3.2008 đến nhà bà S (bà nội của cháu Y) lấy trộm tiền đưa cho H. H chỉ cho cháu Y biết nơi cất tiền, cách lấy tiền. Sau đó, H chở cháu Y đến nhà bà S, nói Y ở lại chơi và hẹn sáng hôm sau quay lại chở Y đi học. Nghe theo lời của H, cháu Y chờ lúc bà S không để ý đã vào phòng ngủ, thò tay vào túi nilon lấy trộm hai cuộn tiền tổng cộng 40.000.000 đồng rồi cất vào cặp sách. Sáng ngày 09.6.2019, H chở cháu Y đi học và Y đã đưa cho H toàn bộ số tiền đã trộm được.

Từ ngày 15.6.2019 đến ngày 24.7.2019, Trần Thanh H tiếp tục nói cháu Y đến nhà bà S lấy trộm tiền đưa cho H tiêu xài. Cụ thể:

- Tối ngày 15.6.2019, Trần Thanh Y lấy trộm số tiền 40.000.000 đồng.
- Tối ngày 22.6.2019, Y lấy trộm 40.000.000 đồng.

- Tối ngày 29.6.2019, Y lấy trộm 40.000.000 đồng.
- Tối ngày 06.7.2019, Y lấy trộm 40.000.000 đồng.
- Tối ngày 13.7.2019, Y lấy trộm 40.000.000 đồng.
- Tối ngày 20.7.2019, lấy trộm 40.000.000 đồng.
- Tối ngày 24.7.2019, lấy trộm 40.000.000 đồng.

Sau khi lấy trộm những số tiền trên, cháu Y đều đưa cho H vào ngày hôm sau.

Tổng số tiền Trần Thanh H và Trần Thanh Y đã lấy trộm của bà Phan Thị S là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, H sử dụng mua 01 điện thoại hiệu Huawei Y9 giá 2.000.000 đồng và 01 nhẫn giá 560.000 đồng để sử dụng; mua cho cháu Y 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng giá 4.200.000 đồng; mua cho bạn gái là chị Nguyễn Thị Lệ T, 01 đồng hồ đeo tay màu vàng giá 490.000 đồng và cho chị T số tiền 3.600.000 đồng; Số tiền còn lại H tiêu xài hết.

Theo lời khai của bà Phan Thị S: Con dâu bà là Nguyễn Thị Thanh P; sinh năm 1990, ở cùng nhà với bà có nhờ bà giữ giúp số tiền 1.020.000.000 đồng (một tỉ không trăm hai mươi triệu đồng). Bà S để toàn bộ số tiền này trong 01 túi nilon màu đen và để vào thùng áo quần trong phòng ngủ của bà. Việc Trần Thanh H đến nhà bà lấy trộm số tiền 580.000.000 đồng, bà hoàn toàn không biết. Sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện, bà S đã giao trả số tiền còn lại cho chị P và dùng tiền của mình trả cho chị P số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tang vật tạm giữ:

- 01 điện thoại hiệu Huawei Y9 màu xanh.
- 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng.
- 01 đồng hồ đeo tay màu vàng.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSĐN-P3 ngày 27/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Thanh H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thanh H về tội "Trộm cắp tài sản" như bản cáo trạng số 46/CT-VKS- P3 ngày 27/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thanh H mức án từ 07 đến 08 năm tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thanh H thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát. Luật sư đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú tất cả những lần phạm tội của mình. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại bà Phan Thị S đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về đi làm lấy tiền trả lại cho bà để bà có tiền trả cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo; quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, luận cứ bào chữa của Luật sư và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 21.3.2019 đến ngày 24.7.2019, Trần Thanh H đã nhiều lần trực tiếp vào phòng ngủ của bà Phan Thị S để lấy trộm tiền. Ngoài ra, bị cáo đã nhiều lần xúi giục cháu Trần Thanh Y, sinh năm 2008 (là con ruột của bị cáo) vào phòng ngủ bà S lấy trộm tiền đưa cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà S là 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng). Hành vi của bị cáo Trần Thanh H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo Trần Thanh H đã 11 lần trực tiếp lén lút vào phòng ngủ nơi bà S cất tài sản để trộm tiền. Ngoài ra, bị cáo còn xúi giục, nhiều lần chở con gái bị cáo là Trần Thanh Y (là người chưa thành niên) đến nhà bà S để lấy trộm tiền đưa cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là rất lớn, trên năm trăm triệu đồng, nên ngoài việc bị cáo phạm tội theo tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 BLHS, bị cáo còn phạm tội thuộc trường hợp: "Phạm tội từ 02 lần trở lên", "xúi giục người chưa thành niên phạm tội" theo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, g khoản

1 Điều 52 BLHS. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải, tự khai ra tất cả những lần phạm tội của mình; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; Giữa bị cáo và người bị hại có quan hệ ruột thịt trong gia đình (mẹ con). Tại phiên tòa, người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bà S yêu cầu buộc bị cáo Trần Thanh H phải trả lại cho bà số tiền 580.000.000 đồng để bà trả lại cho chị P. Do đó, buộc bị cáo Trần Thanh H phải bồi thường số tiền 580.000.000 đồng cho bà Phan Thị S.

[5] **Về xử lý vật chứng:**

- Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại hiệu Huawei Y9 màu xanh H mua để sử dụng, 01 điện thoại Iphone 6 Plus (H mua cho cháu Trần Thanh Y), 01 đồng hồ đeo tay màu vàng (H mua cho chị T) bị cáo dùng tiền trộm cắp để mua nên cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về các đối tượng liên quan trong vụ án:

Trong vụ án, bị cáo Trần Thanh H có hành vi xúi giục cháu Trần Thanh Y, sinh năm 2008 đến nhà bà Phan Thị S trộm cắp tiền đưa cho H tiêu xài nhưng cháu Y chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Chị Nguyễn Thị Lệ T được bị cáo Trần Thanh H mua cho 01 cái đồng hồ đeo tay và cho số tiền 3.600.000 đồng nhưng chị T không biết đây là tài sản do H trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng, Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng không đề cập xử lý đối với cháu Y và bà T là có cơ sở, HĐXX không đề cập. Tuy nhiên, số tài sản bị cáo cho chị T là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, hiện tại chị T mới giao nộp lại cái đồng hồ đeo tay nên buộc chị T phải giao nộp lại số tiền 3.600.000 đồng để đảm bảo việc thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo đối với bà S.

[7] **Về án phí**: Bị cáo Trần Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh H phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 BLHS 2015

Xử phạt: **Trần Thanh H 08 (tám) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, 03/8/2019.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS;

Buộc Trần Thanh H phải bồi thường cho bà Phan Thị S số tiền 580.000.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm bồi thường thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T phải giao nộp lại số tiền 3.600.000 đồng để đảm bảo việc thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo đối với bà S.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tuyên quy trữ để đảm bảo thi hành án đối với 01 điện thoại hiệu Huawei Y9 màu xanh, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng, 01 đồng hồ đeo tay màu vàng.

(Toàn bộ số vật chứng hiện Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/12/2019).

4. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Trần Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Trần Thanh H phải chịu 27.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Đà Nẵng;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *Phòng HSNV- CATPĐN;*
- *PC 45 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;*
- *Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;*
- *Trại giam Hoà Sơn;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cảnh